TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2017
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Lam.
2. Bà Nguyễn Thị Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2016/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2016 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thu S, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: 120/3, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. Bị đơn: anh Đỗ Quốc T, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: Đội 1, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu S trình bày:*

Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Đỗ Quốc T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/6/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và về vấn đề kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi. Chị và anh T cũng như gia đình hai bên đã tìm cách hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng thêm trầm trọng nên cả hai không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng từ tháng 9/2016 đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Đỗ Thụy Lam P sinh ngày 16/5/2010 và cháu Đỗ Chi N sinh ngày 02/7/2014. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Quốc T trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thu S về việc kết hôn, tình trạng hôn nhân, về con chung và về chia tài sản. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh là do chị S thường xuyên kết bạn với nam giới qua mạng, thiếu trách nhiệm với gia đình, anh thừa nhận có vui chơi bên ngoài và gây nợ nần nhưng anh đã tự giải quyết xong. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không thể đoàn tụ chung sống, từ tháng 9/2016 cả hai không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh xác định không còn giải pháp khắc phục, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh không đồng ý ly hôn do anh theo đạo công giáo, không được ly hôn nên anh không thuận tình ly hôn với chị Sương.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Đỗ Thụy Lam P sinh ngày 16/5/2010 và cháu Đỗ Chi N sinh ngày 02/7/2014. Ly hôn, anh đồng ý giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ tự thỏa thuận với chị Sương, không yêu cầu Tòa án xem xét, ghi nhận trong bản án, quyết định.

- Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T*:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Riêng đối với thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S; giao hai con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản không đặt ra xem xét; chị S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thu S khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Đỗ Quốc T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Đỗ Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị S và anh T tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2009, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp. Xét thời điểm hiện tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, việc kết hôn của chị S và anh T cũng thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này, chị S cũng không yêu cầu giải quyết chia tài sản nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị S được quyền đơn phương xin ly hôn anh Toản theo quy định tại khoản 1 Điều 51.

[2.2] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T xảy ra đã lâu (từ năm 2013), nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên quá trình chung sống thường xảy ra tranh cãi, cả hai không còn chung sống vợ chồng từ cuối tháng 9/2016 đến nay được gia đình hai bên và Ủy ban nhân dân xã G, huyện T xác nhận. Chị S, anh T và gia đình hai bên đã tìm cách hòa giải mâu thuẫn, trong quá trình giải quyết Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh T xác định không còn giải pháp hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống, anh không thể thuận tình ly hôn với chị S là do anh theo đạo công giáo, không cho phép ly hôn. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S, cho ly hôn giữa chị S và anh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T được chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị S và anh T có hai con chung là cháu Đỗ Thụy Lam P sinh ngày 16/5/2010 và cháu Đỗ Chi N sinh ngày 02/7/2014. Ly hôn, chị S xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T đồng ý. Xét chị S có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, cháu Đỗ Thụy Lam P đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng chị S xác định không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T đề nghị được tự thỏa thuận với chị S, cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, ghi nhận trong bản án nên không đặt ra xem xét. Chị S và anh T tự thỏa thuận việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị S và anh T được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản: chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân dân sự;

- Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thu S.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu S và anh Đỗ Quốc T. Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T được chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đỗ Thụy Lam P, sinh ngày 16/5/2010 và Đỗ Chi N, sinh ngày 02/7/2014 cho chị Nguyễn Thu S trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Nguyễn Thu S và anh Đỗ Quốc T tự thỏa thuận việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Anh Đỗ Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị Nguyễn Thu S và anh Đỗ Quốc T được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 005790 ngày 13/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu S được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đỗ Quốc T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trung Hưng